

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 4 – NGHỆ AN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 15/9/2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nghệ

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Thúy Hằng và ông Nguyễn Văn Lộc

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Lệ Giang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chắt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 417/2026/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 482/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thanh H, sinh ngày 25/5/1983. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

CCCD số: 040183032266

Nơi ĐKTT: Thôn B Q, xã Q, tỉnh Nghệ An

Nơi cư trú: Thôn F Q, xã Q, tỉnh Nghệ An

- Bị đơn: Anh Tăng Văn T, sinh ngày 05/3/1983. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

CCCD số: 040083005361

Địa chỉ: Thôn F Q, xã Q, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, chị Lê Thị Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tăng Văn T có đăng ký kết hôn ngày 24/12/2021 tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An (nay là xã Q, tỉnh Nghệ An)

theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau có nhiều mâu thuẫn, từ khoảng năm 2024 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, có nhiều áp lực trong gia đình. Nay chị không còn tình cảm với anh T nữa, để mỗi người có cuộc sống riêng nên chị đề nghị Toà án cho chị được ly hôn với anh Tăng Văn T.

Vợ chồng có 01 con chung là Tăng Văn Uy V, sinh ngày 17/12/2022. Hiện con chung đang ở với cả bố và mẹ.

Ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) kể từ tháng 8/2026 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/8/2026 và quá trình giải quyết bị đơn anh Tăng Văn T trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do vợ chồng tính cách không hợp. Chị H đề nghị ly hôn với anh, anh đồng ý vì hiện anh cũng không còn tình cảm với chị H nữa. Về con chung anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do tính chất công việc anh đề nghị được xét xử vắng mặt.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Q như sau:

Qua kiểm tra cứu thông tin kết hôn trên cơ sở dữ liệu hộ tịch và sổ đăng ký kết hôn tại UBND xã Q cho thấy chị Lê Thị Thanh H và anh Tăng Văn T đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q (nay là xã Q) số 35 ngày 24/12/2021. Tại thời điểm kết hôn, hai bên đều đáp ứng đủ các điều kiện theo luật Hôn nhân và gia đình. Theo cơ sở dữ liệu hộ tịch và đăng ký khai sinh: Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Tăng Văn Uy V, sinh ngày 17/12/2022, hiện tại cháu đang chung sống với chị H. Quá trình chung sống tại xã Q, chị H và anh T có phát sinh mâu thuẫn, do không hòa giải tại cơ sở nên UBND xã không biết được nguyên nhân mâu thuẫn. Hiện tại chị H làm việc và sinh sống tại thôn F Q, xã Q, tỉnh Nghệ An, anh T đi làm ăn xa nên không thường xuyên sinh sống tại địa phương. Nay chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025. Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Về quan hệ tình cảm: Cho chị Lê Thị Thanh H được ly hôn anh Tăng Văn T.

Về con chung: Giao cho con chung Tăng Văn Uy V, sinh ngày 17/12/2022 cho chị Lê Thị Thanh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Về mức cấp dưỡng Tòa án xem xét đảm bảo không được thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng nơi người cấp dưỡng đang cư trú/tháng kể từ tháng 8/2026 cho đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về án phí: Buộc đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị Thanh H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con với anh Tăng Văn T, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Anh T có nơi thường trú tại thôn F Q, xã Q, tỉnh Nghệ An. Nên Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh H và anh Tăng Văn T có đăng ký kết hôn ngày 24/12/2021 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An (nay là xã Q, tỉnh Nghệ An), theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35, trên cơ sở tự nguyện. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh T đều thống nhất trình bày sau khi kết hôn vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, tính cách không phù hợp, không còn tình cảm với nhau. Chị H đề nghị được ly hôn, anh T đồng ý ly hôn. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được

nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Lê Thị Thanh H được ly hôn anh Tăng Văn T.

[2.1] Về con chung: Chị Lê Thị Thanh H và anh Tăng Văn T có 01 con chung là cháu Tăng Văn Uy V, sinh ngày 17/12/2022. Hiện cháu V đang ở cùng với chị H. Chị H, anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, việc quyết định người trực tiếp nuôi con phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Theo hướng dẫn tại Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, khi xem xét quyền lợi về mọi mặt của con phải đánh giá khách quan, toàn diện điều kiện, khả năng của cha, mẹ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; sự gắn bó, thân thiết, sự quan tâm của cha, mẹ đối với con và bảo đảm sự ổn định, hạn chế xáo trộn môi trường sống của con. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Tăng Văn Uy V sinh ngày 17/12/2022, hiện còn nhỏ, cần được người trực tiếp nuôi dưỡng thường xuyên chăm sóc, theo dõi sinh hoạt, ăn uống, sức khỏe và bảo đảm việc học tập, phát triển về thể chất, tinh thần. Chị H hiện nay có công việc ổn định, đang công tác tại Công an xã Q với mức thu nhập hàng tháng là 19.487.477đ. Đối với anh T, anh hiện làm nghề lái xe do đặc thù công việc phải thường xuyên điều khiển phương tiện, không thường xuyên sinh sống tại địa phương nên điều kiện về thời gian để anh T thường xuyên trông nom, chăm sóc cháu V không thuận lợi. Do đó cần giao cháu Tăng Văn Uy V cho chị Lê Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về cấp dưỡng nuôi con: Xét yêu cầu của chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng, do chị H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đầy đủ nhu cầu thiết yếu của cháu V cũng như không có cơ sở chắc chắn để xác định thu nhập thực tế của anh T nên chưa có đủ căn cứ để chấp nhận mức cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng. Tòa án xác định mức cấp dưỡng theo mức tối thiểu được hướng dẫn tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, căn cứ mức lương tối thiểu vùng áp dụng tại nơi anh T cư trú tại thời điểm giải quyết vụ án. Căn cứ Nghị định 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính Phủ áp dụng từ 01/01/2026, thì mức lương tối thiểu vùng tại xã Q, tỉnh Nghệ An (thuộc vùng 3) là 4.140.000 đồng, mức cấp dưỡng không thấp hơn $\frac{1}{2}$ mức 4.140.000 đồng = 2.070.000 đồng/tháng. Do đó có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu của chị H, buộc anh Tăng Văn T cấp dưỡng nuôi cháu Tăng Văn Uy V số tiền 2.070.000 đồng/tháng, kể từ tháng 8/2026 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và anh T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ 56, 81, 82, 83, 84, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân gia đình; Nghị định 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính Phủ Quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh H

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Thanh H được ly hôn anh Tăng Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là Tăng Văn Uy V, sinh ngày 17/12/2022, cho chị Lê Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Tăng Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

Buộc anh Tăng Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Tăng Văn Uy V số tiền 2.070.000 đồng (Hai triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng) mỗi tháng, kể từ tháng 8/2026 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi trưởng hành.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng, nếu người phải thi hành án chưa thi hành hoặc thi hành chưa đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại

Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Thanh H và anh Tăng Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Thanh H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0001162 ngày 18/8/2026.

Anh Tăng Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Thanh H và anh Tăng Văn T có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 4 – Nghệ An;
- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Quỳnh Sơn (xã Quỳnh Mỹ);
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nghệ